

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 05 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Trung Thành

Bà: Hà Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thúy- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2022 về việc ly hôn tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Làng M, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Văn L - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Làng M, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị L và anh Lê Văn L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày ngày 14 tháng 03 năm 2022 và bản tự khai gửi cho Tòa án ngày 08 tháng 04 năm 2022 nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 09/03/2009 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp

tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến nay do áp lực cuộc sống nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Văn L – SN 23/12/2009. Hiện tại cháu L đang ở với chị. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến gửi cho Tòa án ngày 18 tháng 3 năm 2022 anh Lê Văn L trình bày: Anh và chị Trịnh Thị L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 09/03/2009 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống của thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài mặc dù hai bên gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu chị Trịnh Thị L làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê Văn L; sinh ngày 23/12/2009. Nay ly hôn anh đồng giao cháu L cho cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng(Phù hợp và theo nguyện vọng của cháu Lưu) anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Lê Văn L. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các đương sự giao cháu Lưu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên; Buộc chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Văn L. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Long không có mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt anh Long.

Anh L đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh L không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Văn Long không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Long theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS

Chị Trịnh Thị L và anh Lê Văn L đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nộp cho Tòa án bản tự khai và đơn trình bày ý kiến. Do điều kiện công việc và dịch bệnh diễn biến phức tạp nên cả chị L và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị L và anh Lê Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/03/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lý và anh Long đều thừa nhận: Mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng ly thân nhau cũng kéo dài từ năm 2019 cho đến nay nên hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Việc này đã được chính quyền xã Phùng Minh xác nhận và cũng phù hợp với nội dung biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị Lý yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Long, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Lê Văn L.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh L thống nhất có một con chung là cháu Lê Văn L - Sinh ngày 23/12/2019, lâu nay cháu L đang ở cùng chị L, cháu được chăm sóc, giáo dục, phát triển bình thường về mọi mặt. Ly hôn chị L và anh L đều có nguyện vọng tiếp tục giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L). Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận ý kiến của các đương sự. Anh L có quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai chị L và anh L đều có nguyện vọng sau khi ly hôn giao cháu Lưu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L yêu cầu anh Long cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh L trình bày tại bản nêu ý kiến của mình anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận ý kiến của các đương sự.

[5]. Về chia tài sản chung: Chị L và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; 228, 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Lưu - Sinh ngày 23/12/2019 cho chị L, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi thành niên.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Lưu đến tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 5 năm 2022.

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000089 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, chị Trịnh Thị L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị L và anh Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi các đương sự cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hòa

Phạm Xuân Thành

